

MỤC LỤC
Tập 16, Số 1/2026
Vol.16, No.1/2026

| | | |
|----|---|-------|
| 1. | Bảo quản mô cuống rốn người: cập nhật phương pháp và tiềm năng ứng dụng lâm sàng Human umbilical cord tissue preservation: Updated methods and clinical application potential <i>Nguyễn Phương Thảo Tiên, Võ Thị Hạnh Thảo, Nguyễn Thị Hiếu Dung, Bùi Mạnh Hùng</i> | 9-17 |
| 2. | Giá trị chẩn đoán và tiên lượng của chỉ số bạch cầu non và một số chỉ số tế bào máu ngoại vi trong nhiễm khuẩn huyết ở trẻ em Diagnostic and prognostic value of immature granulocyte index and peripheral blood cell indices in pediatric sepsis <i>Trần Thị Hạnh Chân, Võ Quốc Bảo, Đặng Thị Tâm, Phan Hoàng Duy, Phạm Kiều Lộc, Lê Hoàng, Mạnh Tuấn Tài Nguyễn Thị Lan, Trương Thị Na, Hồ Thị Hà My, Trần Nữ Tâm Đan, Nguyễn Hữu Châu Đức</i> | 18-23 |
| 3. | Đặc điểm vi học, hoạt tính gây độc tế bào ung thư và kháng viêm của cây Nghệ Vĩnh Linh (<i>Curcuma vinhlinhensis</i>) Microscopic characteristics, cytotoxic and anti-inflammatory activities of <i>Curcuma vinhlinhensis</i> <i>Lê Thị Bích Hiền, Lê Tuấn Anh, Nguyễn Đình Quỳnh Phú, Lê Khánh Đăng, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Thị Hoài</i> | 24-31 |
| 4. | Đánh giá đặc điểm lâm sàng, X-quang và phương pháp điều trị bệnh lý nang xương hàm tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Evaluation of clinical, radiographic characteristics and treatment methods of jaw cysts at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital <i>Võ Khắc Tráng, Trần Lê Huy, Nguyễn Hoàng Lâm, Hoàng Vũ Minh, Hoàng Minh Phương, Trần Tấn Tài, Nguyễn Văn Minh, Trần Thị Hà Phương</i> | 32-39 |
| 5. | Đánh giá kết quả sàng lọc thiếu enzyme glucose-6-phosphate dehydrogenase từ mẫu máu thấm khô của trẻ sơ sinh thuộc các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên Evaluation of neonatal screening results for glucose-6-phosphate dehydrogenase deficiency using dried blood spot in the Central region and Western Highlands of Vietnam <i>Hà Thị Minh Thi, Trần Thị Cẩm Vân, Lê Tuấn Linh, Ngô Thị Diệu Hương, Đoàn Hữu Nhật Bình, Phan Quốc Bảo, Trần Sắc Thái</i> | 40-48 |
| 6. | Nghiên cứu một số chỉ số sinh vữa xơ động mạch mới, Triglyceride-Glucose ở người bệnh mạch vành Investigation of non-traditional atherogenic indices, Triglyceride-Glucose index in coronary artery disease <i>Tô Anh Tuấn, Hoàng Anh Tiến, Lê Văn Chi</i> | 49-56 |
| 7. | Khảo sát tách chiết DNA từ mẫu phân để giải trình tự gene <i>16S rRNA</i> hệ vi sinh vật đường ruột Evaluation of DNA extraction from fecal samples for <i>16s rRNA</i> gen sequencing of the gut microbiota <i>Phan Thị Minh Tâm, Ngô Thị Diệu Hương, Lê Phan Tường Quỳnh, Đặng Thanh Nhân, Hà Thị Minh Thi</i> | 57-63 |

| | | |
|--|---|---------|
| 8. | Tỉ lệ đạt mục tiêu kiểm soát Non-HDL-C và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh mạch vành tắc nghẽn Non-HDL-C goal attainment and associated factors in patients with obstructive coronary artery disease | 64-71 |
| <i>Hoàng Huy Trường, Đặng Quang Minh</i> | | |
| 9. | Đánh giá kết quả phẫu thuật khâu nối gân duỗi bàn tay theo phương pháp Becker Outcomes of extensor tendon repair in the hand using the Becker technique | 72-78 |
| <i>Trần Nhật Tiến, Quảng Huy Hoàng</i> | | |
| 10. | Nghiên cứu hiệu quả và độc tính của phác đồ pemetrexed - carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến xa Effectiveness and toxicity of the pemetrexed - carboplatin regimen in advanced non - small cell lung cancer treatment | 79-86 |
| <i>Trần Khánh Luân, Phạm Mai Thủy Tiên, Lưu Thị Nhật Linh, Hồ Xuân Dũng</i> | | |
| 11. | Đánh giá kết quả sử dụng kháng sinh dự phòng một liều duy nhất trong phẫu thuật nội soi điều trị viêm ruột thừa cấp chưa biến chứng Outcomes of single dose prophylactic antibiotics in laparoscopy for acute uncomplicated appendicitis | 87-92 |
| <i>Phạm Minh Đức, Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Hữu Trí, Phan Đình Tuấn Dũng, Đặng Như Thành, Nguyễn Duy Linh, Phan Thị Lợi, Phan Thị Lam, Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Phạm Anh Vũ</i> | | |
| 12. | Trầm cảm và các yếu tố liên quan ở học sinh tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Huế Depression and its associated factors among high school students at Hue city | 93-100 |
| <i>Nguyễn Văn Hùng, Trần Như Minh Hằng, Đặng Cao Khoa, Trần Bình Thắng, Lê Đình Nhân, Trần Kiên Hào, Lương Thanh Bảo Yến, Trần Bá Thanh</i> | | |
| 13. | Đánh giá nồng độ CRP huyết thanh, thang điểm DAS 28 CRP, thang điểm DAS 28 ESR và một số yếu tố liên quan đến thiếu máu ở bệnh nhân viêm khớp dạng thấp Evaluation of serum CRP levels, DAS 28 CRP score, DAS 28 ESR score, and some anemia-related factors in rheumatoid arthritis patients | 101-107 |
| <i>Phan Võ Đình Huy, Trần Thị Tiên Xinh, Trần Trung Đức, Thiều Thị Hà Giang, Phạm Nguyễn Khôi Nguyên, Nguyễn Thị Thanh Phương, Đặng Ngọc Phước, Trần Thị Kim Loan, Nguyễn Minh Quang</i> | | |
| 14. | Kiến thức, thái độ về dự phòng và phát hiện sớm bệnh đột quỵ của người trưởng thành tại một số phường thành phố Huế Knowledge and attitudes regarding stroke prevention and early detection among adults in selected wards of Hue City | 108-117 |
| <i>Nguyễn Minh Tú, Bùi Lê Thảo Phương, Trần Quốc Nhật Trường, Ngô Ngọc Hưng, Huỳnh Như Trà My, Trần Trung Kiên, Trần Bình Thắng, Lê Đình Dương, Nguyễn Thanh Gia, Nguyễn Thị Hương</i> | | |
| 15. | Đánh giá kiến thức và mức độ tuân thủ sử dụng thuốc trên bệnh nhân ngoại trú điều trị bệnh tim mạch chuyển hóa Evaluation of the knowledge and adherence to medication in outpatients undergoing treatment for cardiometabolic diseases | 118-128 |
| <i>Nguyễn Quỳnh Như, Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Ngô Mai Anh, Phạm Vy Tỷ, Trần Quang Phúc, Nguyễn Thị Hải Yến, Ngô Thị Kim Cúc</i> | | |

| | | |
|---|--|---------|
| 16. | Khảo sát tuân thủ sử dụng thuốc giảm đau kháng viêm không steroid và các yếu tố liên quan trong điều trị một số bệnh cơ xương khớp tại Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế Survey on compliance with the use of non - steroidal anti - inflammatory drugs and related factors in the treatment of some musculoskeletal diseases at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital | 129-137 |
| <i>Võ Thị Hồng Phượng, Nguyễn Thị Thanh Hoa</i> | | |
| 17. | Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cắt lớp vi tính và ảnh hưởng của góc lệch vách ngăn mũi lên thành bên ở bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính Computed tomography characteristics and the impact of nasal septal deviation angle on the lateral nasal wall in chronic rhinosinusitis patients | 138-143 |
| <i>Phan Thị Thanh Hương, Nguyễn Thanh Thảo, Hoàng Trung Hiếu, Hoàng Ngọc Thành</i> | | |
| 18. | Kết quả phẫu thuật điều trị động kinh ở cơ sở y tế còn hạn chế nguồn lực Outcomes of patients undergoing epilepsy surgery in a limited-resource institute | 144-149 |
| <i>Trần Thị Phước Yên, Lê Hưng, Lê Kim Khánh, Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Thị Trường Anh, Trương Văn Trí</i> | | |
| 19. | Khảo sát chức năng tâm thu thất phải bằng siêu âm đánh dấu mô cơ tim trên bệnh nhân suy tim cấp thể phù phổi cấp Survey of right ventricular systolic function by speckle tracking echocardiography in patients with acute heart failure with acute pulmonary edema | 150-157 |
| <i>Trần Thanh Đạt, Hoàng Anh Tiến, Nguyễn Thị Thuý Hằng</i> | | |
| 20. | Nghiên cứu kết quả sinh thiết bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm nội soi trong chẩn đoán u tụy Study on outcomes of Endoscopic Ultrasound-Guided Fine-Needle Biopsy for the diagnosis of pancreatic tumors | 158-164 |
| <i>Trịnh Phạm Mỹ Lệ, Hồ Đăng Quý Dũng, Trần Đình Trí, Trần Văn Huy</i> | | |
| 21. | Nghiên cứu nồng độ TNF-alpha huyết thanh trên bệnh nhân viêm khớp dạng thấp Study on the concentration of serum TNF-alpha in rheumatoid arthritis patients | 165-171 |
| <i>Trần Ngọc Diễm Quỳnh, Phan Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Huyền, Phan Ngọc Đan Thanh, Trần Thị Bích Ngọc</i> | | |
| 22. | Nghiên cứu sự phát triển tinh thần vận động ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ bằng test Denver II Study on psychomotor development in children with autism spectrum disorder using the Denver II test | 172-178 |
| <i>Nguyễn Thị Diễm Chi, Bùi Bình Bảo Sơn, Trần Kiên Hào, Tôn Nữ Vân Anh, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Quang Thông</i> | | |
| 23. | Chiết xuất rutin và quercetin từ Hoa hòe (<i>Sophora japonica</i> L.) bằng dung môi sâu eutectic siêu phân tử Extraction of Rutin and Quercetin from <i>Sophora japonica</i> L. Using Supramolecular Deep Eutectic Solvents | 179-188 |
| <i>Lê Trọng Nhân, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Thị Hoài</i> | | |
| 24. | Kết quả bước đầu của kỹ thuật Szabo T-stenting trong can thiệp tổn thương phân nhánh động mạch vành phức tạp Preliminary results of the szabo t-stenting technique in percutaneous coronary intervention for complex coronary bifurcation lesions | 189-195 |
| <i>Lý Ích Trung, Hoàng Anh Tiến, Nguyễn Tri Thức</i> | | |

| | | |
|-----|---|---------|
| 25. | Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị sỏi đường mật trong gan Evaluation for surgical treatment results of hepatolithiasis <i>Đặng Công Thanh, Lê Quốc Phong, Võ Xuân Đạt, Từ Như Hoàng</i> | 196-203 |
| 26. | Tỷ lệ bệnh nhân loãng xương cao tuổi được điều trị bằng thuốc và các yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh Prevalence of pharmacological treatment in elderly patients with osteoporosis and associated factors at University Medical Center Ho Chi Minh City <i>Nguyễn Ngọc Thiên Trang, Cao Thanh Ngọc, Nguyễn Châu Tuấn</i> | 204-209 |
| 27. | Đánh giá hiệu quả tiêm nong khớp vai điều trị bệnh lý viêm quanh khớp vai đông cứng tại Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng Evaluation of the effectiveness of shoulder hydrodilatation injection in the treatment of adhesive capsulitis at Haiphong International General Hospital <i>Hoàng Văn Dũng, Nguyễn Thị Thu Phương</i> | 210-214 |
| 28. | Đánh giá hiệu quả hỗ trợ của Laser Diode trong che tủy trực tiếp bằng Tricalcium silicate Evaluation effects of laser diode on direct pulp capping treatment caries exposures by tricalcium silicate <i>Lê Thị Nhật Linh, Phan Anh Chi</i> | 215-221 |
| 29. | Nghiên cứu tỉ lệ chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng, nhẹ cân bằng phương pháp kangaroo và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum và Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi A study on the prevalence of kangaroo mother care among preterm and low birth weight newborns and related factors at Kon Tum Provincial General Hospital and Ngọc Hoi District General Hospital <i>Lê Hồng Phong, Đặng Văn Đào, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Thị Thuỳ Trang, Lê Thị Thuý Vân, Nguyễn Hoàng Thùy Linh</i> | 222-230 |
| 30. | Khảo sát một số yếu tố liên quan đến mật độ xương, loãng xương ở bệnh nhân lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện Trung ương Huế Survey of some factors related to bone mineral density and osteoporosis in hemodialysis patients at Hue Central Hospital <i>Võ Tam, Nguyễn Anh Duy, Nguyễn Hoàng Thanh Vân</i> | 231-236 |
| 31. | Sinh thiết lõi tổn thương trong lòng đường mật qua da xuyên gan bằng forceps - Báo cáo loạt trường hợp Percutaneous transluminal forceps biopsy of malignant biliary obstruction: report of 3 cases <i>Lê Trọng Bình, Lê Minh Tuấn, Nguyễn Thanh Thảo, Đặng Công Thuận, Phạm Anh Vũ</i> | 237-243 |
| 32. | Viêm não do <i>Cytomegalovirus</i> ở bệnh nhân có hệ miễn dịch bình thường: Tổng quan y văn và báo cáo ca bệnh hiếm gặp <i>Cytomegalovirus</i> Encephalitis in Immunocompetent Patients: A Literature Review and Case Report <i>Nguyễn Duy Bình, Lê Viết Nhiệm, Nguyễn Xuân Hiền, Trần Xuân Chương, Phạm Văn Đức</i> | 244-247 |